

UBND TỈNH LÀO CAI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 16 tháng 01 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH QUY ĐỊNH KHOẢNG CÁCH VÀ ĐỊA BÀN LÀM CĂN CỨ XÁC ĐỊNH HỌC SINH KHÔNG THỂ ĐẾN TRƯỜNG VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY; DANH MỤC TRANG CẤP ĐỒ DÙNG CÁ NHÂN, HỌC PHẨM CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH		DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập)	Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập)		
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Quyết định này quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày, trong đó quy định khoảng cách, địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá; quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Yên Bái. 2. Đối tượng áp dụng	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này Quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày và Quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Quyết định này quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày, trong đó quy định khoảng cách, địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá; quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm	- Căn cứ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh được hưởng chính sách. - Kế thừa phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng tại Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND của Ủy ban

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH		DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập)	Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập)		
a) Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông; học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; học sinh dân tộc nội trú học tại trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Yên Bái. b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Yên Bái.	tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai. 2. Đối tượng áp dụng: a) Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông; học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; học sinh dân tộc nội trú học tại trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú. b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên	quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai. 2. Đối tượng áp dụng a) Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông; học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; học sinh dân tộc nội trú học tại trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai. b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.	nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập);

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH		DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập)	Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập)		
	quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.		
Điều 2. Địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày 1. Trường hợp khoảng cách nhà ở xa trường, xa nơi học tập thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP. 2. Trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá quy định như sau: a) Đối với học sinh tiểu học mà bản thân học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại các trường phổ thông thuộc xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn	Điều 2. Quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày 1. Khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày cho học sinh a) Khoảng cách xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày đối với học sinh tiểu học từ 04km trở lên; học sinh, học viên Trung	Điều 2. Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP 1. Trường hợp khoảng cách nhà ở xa trường, xa nơi học tập thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP. 2. Trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá quy định như sau: a) Đối với học sinh tiểu học mà bản thân học sinh và bố, mẹ hoặc	Đơn vị soạn thảo dự thảo khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP trên căn cứ sau: - Điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP giao Ủy ban nhân dân tỉnh: “<i>Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Nghị định này và điều kiện thực tế của địa phương để quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày, trong đó quy định khoảng cách, địa bàn có địa hình</i>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH		DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập)	Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập)		
thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 2 km trở lên; học tại các trường thuộc xã khu vực II, khu vực I thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 3 km trở lên. b) Đối với học sinh trung học cơ sở, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở mà bản thân học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại các trường phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 4 km trở lên; học tại các trường phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc xã khu vực II, khu vực I thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 5 km trở lên. c) Đối với học sinh trung học phổ thông, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông là người dân tộc thiểu	học cơ sở từ 07 km trở lên; học sinh, học viên Trung học phổ thông từ 10 km trở lên. b) Trường hợp đặc biệt khoảng cách nhỏ hơn quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều này thì căn cứ xác nhận của UBND cấp xã về khu vực, địa bàn mà học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày do địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, vùng sạt lở đất, đá... 2. Địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày là các xã khu vực III, khu vực II và xã khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào	người giám hộ thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại các trường phổ thông thuộc xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 2 km trở lên; học tại các trường thuộc xã khu vực II, khu vực I thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 3 km trở lên. b) Đối với học sinh trung học cơ sở, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở mà bản thân học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại các trường phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 4 km trở lên; học tại các trường phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc xã khu vực II, khu vực I thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 5 km trở lên. c) Đối với học sinh trung học phổ thông, học viên học chương trình	<i>cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá để xác định học sinh, học viên được hưởng chính sách hỗ trợ;”.</i> - Quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành phê duyệt danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Do đó, đơn vị soạn thảo căn cứ danh sách xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn tại Quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 để xác định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên bán trú không thể đến trường và trở về nhà trong ngày. - Kế thừa quy định tại Điều 2 Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định địa bàn làm căn cứ

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH		DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập)	Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập)		
số và học sinh trung học phổ thông, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông người dân tộc Kinh là nhân khẩu trong gia đình thuộc hộ nghèo mà bản thân học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn: Đang học tại các trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 6 km trở lên; học tại các trường phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc xã khu vực II thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 7 km trở lên; học tại các trường phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc xã khu vực I thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 8 km trở lên. d) Đối với học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở	dân tộc thiểu số và miền núi. 3. Các xã, thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định hiện hành và các văn bản bổ sung, sửa đổi (nếu có) của cấp có thẩm quyền.	giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số và học sinh trung học phổ thông, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông người dân tộc Kinh là nhân khẩu trong gia đình thuộc hộ nghèo mà bản thân học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn: Đang học tại các trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 6 km trở lên; học tại các trường phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc xã khu vực II thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 7 km trở lên; học tại các trường phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc xã khu vực I thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 8 km trở lên. d) Đối với học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, học sinh trung	xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Bổ sung quy định: Về địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá giao Ủy ban nhân dân khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hằng năm ban hành danh mục địa bàn các thôn, bản làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày do có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH		DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập)	Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập)		
giáo dục phổ thông là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Áp dụng khoảng cách theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này.		học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Áp dụng khoảng cách theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. 3. Địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định.	sẽ phù hợp với tình hình thực tế.
Điều 3: Quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Yên Bái 1. Quy định danh mục, số lượng đồ dùng cá nhân được cấp 01 lần/ 01 cấp học cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú (gồm 09 đồ dùng).	Điều 3. Quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú.	1. Quy định danh mục đồ dùng cá nhân được trang cấp một lần cho học sinh dân tộc nội trú gồm: Chăn cá nhân mùa Đông, Chăn cá nhân mùa Hè, Đệm cá nhân, Màn cá nhân, Chiều cá nhân, Ga đệm, Gối (Vỏ + Lõi), Ô cá nhân/ Áo mưa, Ghế nhựa, 2. Quy định danh mục học phẩm và quần áo đồng phục mỗi năm học cho	Tại điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP giao UBND tỉnh “Căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Nghị định này để quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú phù hợp đặc thù của mỗi vùng,

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH		DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập)	Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập)		
2. Quy định danh mục, số lượng học phẩm và quần áo đồng phục được cấp mỗi năm học cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú (gồm 11 đồ dùng học tập và đồng phục). 3. Việc mua sắm đồ dùng cá nhân, học phẩm trang cấp cho học sinh dân tộc nội trú được thực hiện căn cứ vào danh mục, định mức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan.	1. Học sinh dân tộc nội trú ở mỗi cấp học được cấp một lần bằng hiện vật: Chăn, màn, chiếu, đệm, gối, ô gấp, ghế nhựa và các đồ dùng cá nhân khác. 2. Mỗi năm học, học sinh được cấp 02 bộ quần áo đồng phục và học phẩm gồm: Vở, giấy, bút, tẩy, bộ com pa, thước đo độ, thước kẻ, hồ dán, giấy màu thủ công, bìa bọc đóng vở học sinh...	học sinh dân tộc nội trú gồm: Vở kẻ ngang, Cặp hoặc balo Học sinh, Bút bi, Bút chì, Tẩy, Bộ com pa, thước đo độ, Hồ dán, Thước kẻ, Hộp màu, Giấy màu thủ công, Giấy vẽ, Quần áo đồng phục (Quần dài, Áo mùa Đông, Áo mùa Hè)	miền, từng cấp học và chương trình giáo dục phổ thông hiện hành;”. Theo đó, Điều 3 của Dự thảo Quyết định Quy định danh mục đồ dùng cá nhân được trang cấp một lần cho học sinh dân tộc nội trú và danh mục học phẩm và quần áo đồng phục mỗi năm học cho học sinh dân tộc nội trú (không quy định số lượng). Giao các trường phổ thông dân tộc nội trú căn cứ định mức kinh phí quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định 66/2025/NĐ-CP, quyết định số lượng, chủng loại đồ dùng cá nhân, học phẩm quy định tại các khoản 1, 2 Điều này để trang cấp cho học sinh phù hợp với tình hình thực tế.
Điều 4: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 6 năm 2025.	Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành	Điều 4: Điều khoản thi hành 1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày / /2026.	Cơ quan soạn thảo Quyết định dự kiến Quyết định được ban hành trong quý I năm 2026 và thay thế Quyết định số

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH		DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập)	Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập)		
	1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 132/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Lào Cai. 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.	Việc áp dụng quy định này được thực hiện từ năm học 2026-2027. 2. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau: Quyết định số 43/2025/QĐ- UBND ngày 29/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai quy định cụ thể về khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Quyết định số 29/2025/QĐ- UBND ngày 27/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục	43/2025/QĐ- UBND ngày 29/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập); Quyết định số 29/2025/QĐ- UBND ngày 27/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập), Quyết định số 907/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ngày 26/8/2025. Việc áp dụng quy định này được thực hiện từ năm học 2026-2027 để các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ thời gian rà soát, ban hành Quyết định quy định danh mục thôn bản có địa hình giao thông cách trở vào tháng 6/2026.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH		DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập)	Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập)		
		trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Quyết định số 907/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ngày 26/8/2025 về việc tiếp tục thực hiện các Quyết định quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai.	
Điều 5: Tổ chức thực hiện 1. Giao Sở Tài chính hướng dẫn việc chi trả chính sách hỗ trợ đối với học sinh, học viên đảm bảo theo quy định; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh, học viên và cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác xét duyệt học		Điều 5: Tổ chức thực hiện 1. Giao Sở Tài chính bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và Quyết định này theo quy định của pháp luật; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh, học viên và cơ sở giáo dục. 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác xét duyệt học	Cơ quan soạn thảo dự kiến giao nhiệm vụ cho các cơ quan liên quan triển khai Quyết định: Giao Sở Tài chính bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách; Giao Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú; giao Ủy ban nhân dân xã khu vực III, xã khu vực II, khu vực I (có thôn đặc biệt khó khăn) vùng đồng

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH		DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập)	Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập)		
sinh, học viên; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trong công tác kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh, học viên và cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.		sinh bán trú, học viên bán trú; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổ chức kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh, học viên và cơ sở giáo dục. 3. Giao Ủy ban nhân dân xã khu vực III, xã khu vực II, khu vực I (có thôn đặc biệt khó khăn) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tháng 6 hằng năm ban hành danh mục địa bàn các thôn, bản có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý để làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày. 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này	bào dân tộc thiểu số và miền núi tháng 6 hằng năm ban hành danh mục địa bàn các thôn, bản có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý để làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày.